

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05-02-2021

V/v “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Nghi;

Bà Phan Thị Thúy Hằng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 256/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1991. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn CT, xã HK, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn LP, xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, được UBND xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 164/2016, ngày 19/12/2016. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do anh N thường xuyên ăn chơi, không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình, từ lúc chị sinh con ở nhà mẹ đẻ đến nay anh N cũng không quan tâm, hay thăm nom gì vợ con, từ đó đến nay vợ chồng đã không còn sống chung hơn 02 năm nay. Nay chị Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chịu đựng

cuộc sống này thêm nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong Tòa án sớm giải quyết cho chị Đ được ly hôn với anh N.

Về tài sản chung: Chị Đ và anh N có 01 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 07/4/2018, hiện nay cháu M đang sống với chị Đ, ly hôn chị Đ mong muốn tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung từ 1.000.000đ đến 2.000.000đ mỗi tháng.

Về tài sản chung: Chị Đ và anh N tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn và Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc nội dung giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn do anh N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Đ đối với anh Nguyễn Văn N, Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 07/4/2018 cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu M mỗi tháng 1.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 03/2021 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình; Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ và anh N tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị không xét. Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và về nội dung giải quyết vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2016, được UBND xã HT, huyện PH, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 164/2016, ngày 19/12/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX nhận thấy chị Đ và anh N đã không còn sống chung hơn 02 năm nay, không ai quan tâm

chăm sóc đến ai chứng tỏ cuộc sống hôn nhân giữa chị Đ và anh N đã không còn tồn tại, làm hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ngoài ra anh N có mặt tại địa phương nhưng đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án là từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án, bỏ mặc quan hệ hôn nhân với chị Đ. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh N là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh N có 01 con chung là Nguyễn Trà M, sinh ngày 07/4/2018, hiện nay cháu M đang sống với chị Đ, để đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần đối với cháu M, HĐXX nhận thấy cần tiếp tục giao cháu M cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Đ, buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu M mỗi tháng 1.000.000đ, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 03/2021 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Đ đối với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Trà M, sinh ngày 07/4/2018 cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu M mỗi tháng 1.000.000đ (*một triệu đồng*), thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 03/2021 và chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng khi phát sinh một trong các điều kiện được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ chị Đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002990 ngày 25/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên, chị Đ đã thi hành xong.

Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.PH;
- Chi cục THADS H.PH;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã HT;
- (số 164/2016)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Minh Nhật